

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Khâu đột phá về đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030

Để tổ chức triển khai thực hiện Khâu đột phá về đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, tạo động lực thúc đẩy tỉnh Thanh Hóa phát triển nhanh và bền vững theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2026 - 2030, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Khâu đột phá về đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030; làm cơ sở để các cấp, các ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, đề án, dự án cụ thể, tạo chuyển biến mạnh mẽ về hạ tầng, nhân lực số, hệ sinh thái khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

2. Nội dung Chương trình hành động phải bám sát Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, các quy hoạch, chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và điều kiện thực tiễn của tỉnh; bảo đảm khả thi, xác định rõ lộ trình, nguồn lực, cơ chế tổ chức thực hiện và trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Xác định rõ các lĩnh vực ưu tiên phát triển về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên cơ sở phát huy tiềm năng, thế mạnh và định hướng phát triển của tỉnh; thúc đẩy các đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, nhân tài và công nghệ.

4. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của cấp ủy; sự quản lý, điều hành của chính quyền; sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị; phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của địa phương, cơ sở; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp và xã hội; kịp thời rà soát, điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

5. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn, bảo đảm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, yêu cầu đề ra; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện theo quy định.

II. MỤC TIÊU

1. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên cơ sở 5 trụ cột là: Cơ chế, chính sách, nhân lực, dữ liệu và công nghệ cao. Tạo chuyển biến rõ nét trong đổi mới mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế và chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

2. Xây dựng, phát triển đồng bộ hệ sinh thái khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên cơ sở hoàn thiện cơ chế, chính sách; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực; hoàn thiện hạ tầng số, dữ liệu và công nghệ cao; thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ; xây dựng, nhân rộng các mô hình kinh tế mới; phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

3. Đến năm 2030, hình thành nền tảng, năng lực và mô hình phát triển mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tỷ trọng đóng góp của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong GRDP đạt khoảng 35%; đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt từ 55% trở lên; tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đạt khoảng 30%; duy trì Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII) và Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) hàng năm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước; góp phần thực hiện mục tiêu đưa Thanh Hóa trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước, trở thành một trong những trung tâm lớn của khu vực và cả nước về công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp quy mô lớn giá trị gia tăng cao, du lịch, dịch vụ logistics.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và thống nhất nhận thức trong tổ chức triển khai thực hiện

1.1. Mục tiêu

- Tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở và xã hội trong tổ chức triển khai thực hiện Khâu đột phá; nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Bảo đảm Khâu đột phá được triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, trở thành một trong những nội dung được cụ thể hóa trong nghị quyết, chương trình công tác hằng năm của các cấp, các ngành, các địa phương; đổi mới tư duy, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; tăng cường phối hợp liên ngành, liên cấp, huy động sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân.

- Phân đầu đến năm 2030, tỷ lệ cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học, kỹ thuật trong cấp ủy các cấp trên tổng số cán bộ cấp ủy đạt từ 5% trở lên.

1.2. Nhiệm vụ, giải pháp

1.2.1. Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng; đổi mới tư duy, phương thức thực hiện, đề cao trách nhiệm người đứng đầu

Các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo:

- Xác định thực hiện Khâu đột phá là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong cả nhiệm kỳ; cụ thể hóa trong nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của từng cấp, từng ngành, từng địa phương; tổ chức triển khai đồng bộ, quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với tình hình thực tế.

- Quán triệt quan điểm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực quan trọng để tăng trưởng nhanh và bền vững, trong đó đổi mới sáng tạo là trung tâm chuyển hóa tri thức, công nghệ thành năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng; quá trình tổ chức thực hiện bám sát tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị “về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”, gắn trao quyền tự chủ với đề cao trách nhiệm, chấp nhận rủi ro khách quan trong quá trình thực hiện.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo theo hướng quản lý theo mục tiêu, kết quả đầu ra; bảo đảm rõ mục tiêu, nhiệm vụ, trách nhiệm, tiến độ và rõ kết quả; tăng cường phối hợp liên ngành, liên cấp trong tổ chức thực hiện.

- Gắn trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị với kết quả thực hiện Khâu đột phá; lấy kết quả thực hiện làm căn cứ đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, xem xét trách nhiệm, khen thưởng và kỷ luật cán bộ, đảng viên.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai, cụ thể hóa Khâu đột phá, gắn với rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp và người dân trong tiếp cận, sử dụng dịch vụ công.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học, kỹ thuật trong cấp ủy các cấp; theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc tổ chức thực hiện, bảo đảm đến năm 2030, chỉ tiêu tỷ lệ cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học, kỹ thuật trong cấp ủy các cấp đạt từ 5% trở lên.

1.2.2. Đẩy mạnh công tác quán triệt, tuyên truyền, tạo đồng thuận xã hội; gắn với các phong trào thi đua và biểu dương, khen thưởng

Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn:

- Đẩy mạnh quán triệt, tuyên truyền sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân về mục tiêu, nội dung, ý nghĩa và yêu cầu thực hiện Khâu đột phá; bảo đảm thống nhất giữa nhận thức và hành động, tạo quyết tâm chính trị cao trong tổ chức thực hiện; xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là nền tảng quan trọng để đổi mới tư duy phát triển và phương thức quản lý, điều hành ở các cấp, các ngành.

- Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền theo hướng thiết thực, dễ hiểu, dễ tiếp cận, phù hợp với từng nhóm đối tượng; tăng cường ứng dụng nền tảng số, truyền thông đa phương tiện; đẩy mạnh và nâng cao chất lượng Phong trào “Bình dân học vụ số” theo hướng liên tục, bền vững trong giai đoạn 2026 - 2030.

- Gắn tuyên truyền với phát động, tổ chức hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước; phổ biến, lan tỏa văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; kịp thời phát hiện, nhân rộng các mô hình hay, cách làm sáng tạo, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; lấy kết quả thực hiện Khâu đột phá làm căn cứ đánh giá thi đua, khen thưởng hàng năm.

1.2.3. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội

Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

- Phát huy vai trò tuyên truyền, tập hợp, giám sát và phản biện xã hội; vận động đoàn viên, hội viên, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của chương trình, góp phần lan tỏa tinh thần chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội.

- Chủ động nắm chắc tình hình, tiếp nhận, tổng hợp ý kiến phản ánh, kiến nghị của Nhân dân, doanh nghiệp trong quá trình triển khai thực hiện Khâu đột phá; phối hợp với các cơ quan chức năng nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện.

2. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách

2.1. Mục tiêu

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách đồng bộ, thống nhất, khả thi, tạo môi trường pháp lý thuận lợi và động lực thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, khơi thông và phân bổ hiệu quả các nguồn lực thực hiện Khâu đột phá.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Ban hành, điều chỉnh và tổ chức thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; bảo đảm cơ chế, chính sách phát huy vai trò dẫn dắt, kích hoạt nguồn lực xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư, ứng dụng và đổi mới công nghệ, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh.

2.2. Nhiệm vụ, giải pháp

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo:

- Triển khai đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh; thường xuyên rà soát, xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách theo hướng đồng bộ, thống nhất, khả thi; kịp thời điều chỉnh, bãi bỏ các quy định không còn phù hợp, chồng chéo.

- Đổi mới phương thức xây dựng và thực thi chính sách theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với phân định rõ trách nhiệm; phát huy tính chủ động của các sở, ngành, địa phương, gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Rà soát, hoàn thiện và ban hành kịp thời các quy định nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm đồng bộ, thống nhất và phù hợp với quy định của pháp luật, tập trung vào: Quản lý, chia sẻ, khai thác dữ liệu; quản lý, vận hành hạ tầng số; hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ; đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế số.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách về khai thác, sử dụng và chia sẻ dữ liệu của cơ quan nhà nước, phục vụ hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế dữ liệu và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

- Ưu tiên nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ số, công nghiệp công nghệ số; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; hỗ trợ chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học; khuyến khích doanh nghiệp, nhất là khu vực kinh tế tư nhân đầu tư, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số vào sản xuất, kinh doanh.

3. Về phát triển nguồn nhân lực

3.1. Mục tiêu

- Phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành, lĩnh vực trụ cột, có tiềm năng của tỉnh; gắn đào tạo, thu hút, sử dụng hiệu quả nhân lực với yêu cầu quản lý nhà nước, nhu cầu phát triển của doanh nghiệp, thị trường lao động và xã hội.

- Phấn đấu tỷ lệ cán bộ, công chức được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản đến hết năm 2026 đạt 100%; tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông đến năm 2030 đạt 90%; số người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 đạt khoảng 12 người/01 vạn dân; bảo đảm nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị theo quy định, đồng thời được trang bị kiến thức, kỹ năng về đổi mới sáng tạo.

3.2. Nhiệm vụ, giải pháp

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo:

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số và chuyên môn chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; rà soát, bố trí, sử dụng hiệu quả theo vị trí việc làm; nâng cao năng lực quản lý, điều hành và năng lực dẫn dắt đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Đẩy mạnh đào tạo trên nền tảng số; ưu tiên đào tạo đội ngũ chuyên gia, kỹ sư, cán bộ nòng cốt trong

các lĩnh vực mũi nhọn như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghiệp bán dẫn, công nghiệp công nghệ số, an toàn thông tin và logistics.

- Phát triển nguồn nhân lực gắn với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và các ngành kinh tế trọng điểm; tăng cường liên kết giữa Nhà nước, nhà trường, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu và nhà khoa học trong đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhân lực; nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ tại các cơ sở đào tạo, từng bước hình thành nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu tiềm năng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng, ban hành và triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025 - 2035, định hướng đến năm 2045 theo Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 24/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ; lồng ghép với các chương trình, đề án liên quan nhằm nâng cao hiệu quả phát triển nguồn nhân lực.

- Thu hút, tuyển dụng nhân lực công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho cấp xã; triển khai cơ chế thu hút, trọng dụng nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học; xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số tham gia các dự án sản phẩm công nghệ số trọng điểm, công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và các lĩnh vực công nghệ chiến lược.

- Nâng cao kỹ năng số cho Nhân dân và người lao động, đặc biệt tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng khó khăn; gắn nâng cao kỹ năng số với xây dựng xã hội số, hình thành công dân số, thu hẹp khoảng cách số và thúc đẩy phát triển kinh tế số.

4. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính

4.1. Mục tiêu

- Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính để thực hiện Khâu đột phá, trong đó ngân sách nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, kích hoạt, tạo “vốn môi”; phát huy vai trò chủ lực của nguồn lực doanh nghiệp, khu vực tư nhân và xã hội; đẩy mạnh hợp tác công - tư, thu hút đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm đồng bộ với Quy hoạch tỉnh và yêu cầu phát triển trong giai đoạn 2026 - 2030.

- Bảo đảm tỷ lệ chi ngân sách địa phương cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt tối thiểu 3% tổng chi ngân sách địa phương hằng năm.

4.2. Nhiệm vụ, giải pháp

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo:

4.2.1. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực ngân sách nhà nước

- Bảo đảm tỷ lệ chi ngân sách địa phương cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt tối thiểu 3% tổng chi ngân sách địa phương hằng năm; ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ có tính nền tảng, liên ngành, lan tỏa cao, giữ vai trò dẫn dắt, kích hoạt và thu hút nguồn lực ngoài ngân sách, phục vụ trực tiếp các ngành, lĩnh vực trụ cột, có tiềm năng, các trung tâm kinh tế động lực, hành lang kinh tế và các mô hình phát triển mới của tỉnh.

- Ưu tiên nguồn lực ngân sách cho các nhiệm vụ, dự án trọng tâm gắn với định hướng Quy hoạch tỉnh và Khâu đột phá, nhất là phát triển hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu, trung tâm dữ liệu đa mục tiêu, Khu công nghệ cao Thanh Hóa, khu công nghệ số tập trung, khu nghiên cứu ứng dụng và phát triển (R&D), hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao, du lịch, logistics và dịch vụ cảng; nghiên cứu, thí điểm có kiểm soát các mô hình kinh tế mới, logistics thông minh, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và kinh tế không gian tầm thấp phù hợp với điều kiện của tỉnh.

- Lồng ghép, sử dụng hiệu quả nguồn vốn từ Trung ương, các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án, nhiệm vụ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và các nguồn vốn hợp pháp khác; bảo đảm phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách, tiến độ thực hiện và đồng bộ với Quy hoạch tỉnh, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

4.2.2. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực từ doanh nghiệp và khu vực tư nhân

- Xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp, các thành phần xã hội đầu tư cho nghiên cứu - phát triển (R&D), đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; khuyến khích hình thành, phát triển Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp.

- Huy động nguồn vốn từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác để xây dựng, thí điểm, nhân rộng các mô hình kinh tế mới, logistics thông minh, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và kinh tế không gian tầm thấp; nghiên cứu, khai thác nguồn thu từ tín chỉ carbon để tái đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Khuyến khích các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu ngành đầu tư, phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược, hình thành chuỗi liên kết đổi mới sáng tạo; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận công nghệ, nền tảng số và các giải pháp đổi mới sáng tạo phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Triển khai các hình thức hợp tác công - tư, xã hội hóa đầu tư và các hình thức huy động nguồn lực hợp pháp khác để đầu tư, phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ưu tiên hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu, trung tâm dữ liệu, các nền tảng số dùng chung, Khu công nghệ cao Thanh Hóa, khu công nghệ số tập trung, trung tâm dữ liệu đa mục tiêu, khu nghiên cứu ứng dụng và phát triển (R&D), hạ tầng ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh.

4.2.3. Phát huy vai trò của các quỹ và nguồn lực tài chính trung gian

- Phối hợp quản lý, triển khai hiệu quả các quỹ của Trung ương trên địa bàn tỉnh; tăng cường kết nối, khuyến khích các quỹ đầu tư trong và ngoài nước, các tổ chức tài chính, tổ chức phát triển tham gia hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tham mưu kiện toàn Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh thành Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nghiên cứu, triển khai quỹ đầu tư mạo hiểm của tỉnh, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Hỗ trợ, hình thành và phát triển Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp; tăng cường kết nối các quỹ, tổ chức tài chính, nhà đầu tư với doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và các chủ thể đổi mới sáng tạo, góp phần đa dạng hóa nguồn lực tài chính cho hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh.

4.2.4. Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Đổi mới nội dung, phương thức xúc tiến đầu tư theo hướng chuyên sâu, có trọng tâm, trọng điểm; chủ động kết nối, giới thiệu, quảng bá tiềm năng, cơ hội hợp tác trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, thu hút hiệu quả các nguồn lực về công nghệ, tri thức, tài chính và đối tác quốc tế.

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến, hợp tác quốc tế có chọn lọc, tập trung vào các thị trường, đối tác có tiềm lực về công nghệ, tài chính như Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, châu Âu, Israel, Singapore; ưu tiên các nhà đầu tư chiến lược, doanh nghiệp công nghệ đầu ngành, có cam kết chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và tham gia các chuỗi giá trị mới phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ thông qua các chương trình, dự án ODA, viện trợ không hoàn lại, hợp tác song phương và đa phương; tăng cường kết nối với mạng lưới người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia và trí thức quốc tế để thu hút tri thức, công nghệ, kinh nghiệm quản trị và nguồn lực phục vụ phát triển tỉnh.

4.2.5. Thu hút và hỗ trợ đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ số và đổi mới sáng tạo

- Thu hút đầu tư có chọn lọc vào các ngành, lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ số và đổi mới sáng tạo; ưu tiên công nghiệp công nghệ thông tin (ICT), công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây, an ninh mạng, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ năng lượng mới, trung tâm dữ liệu, trung tâm nghiên cứu - phát triển (R&D) và các ngành công nghệ có giá trị gia tăng cao, khả năng lan tỏa và chuyển giao công nghệ.

- Tổ chức triển khai hiệu quả định hướng, quy hoạch phát triển Khu công nghệ cao Thanh Hóa, khu công nghệ số tập trung, trung tâm dữ liệu đa mục tiêu, khu nghiên cứu ứng dụng (R&D) theo Quy hoạch tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư chiến lược trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; tăng cường hỗ trợ, hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư, doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu, đề xuất và triển khai các dự án công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ số và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

5. Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng số đồng bộ, hiện đại

5.1. Mục tiêu

- Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu và các nền tảng số của tỉnh theo hướng đồng bộ, hiện đại, an toàn, bền vững; bảo đảm hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin và dữ liệu được kết nối thông suốt từ tỉnh đến cơ sở, đáp ứng yêu cầu phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và trở thành nền tảng quan trọng thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Đến năm 2030, tỷ lệ phủ sóng di động 5G đạt 100% tổng số thôn, tổ dân phố; tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định tốc độ trên 01 Gb/s đạt 100%; đến năm 2029 vận hành ổn định 03 trung tâm dữ liệu đa mục tiêu, kết nối, đồng bộ với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

5.2. Nhiệm vụ, giải pháp

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo:

- Rà soát, đánh giá tổng thể hiện trạng; đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin theo hướng đồng bộ, hiện đại, an toàn, tin cậy; tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng mạng băng rộng tốc độ cao, mở rộng vùng phủ sóng di động 5G, ưu tiên khu vực các trung tâm kinh tế động lực, hành lang kinh tế, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch trọng điểm và các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

- Đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện các trung tâm dữ liệu đa mục tiêu của tỉnh; bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu từ tỉnh đến cơ sở và đồng bộ với Trung tâm dữ liệu quốc gia; nâng cao năng lực giám sát, cảnh báo, bảo đảm an toàn thông tin mạng và từng bước phát triển năng lực lưu trữ, xử lý dữ liệu lớn phục vụ nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số tiên tiến.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hoàn thiện hạ tầng dữ liệu của các ngành, lĩnh vực; chuẩn hóa, làm sạch, đồng bộ, kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh và các cơ sở dữ liệu quốc gia; xây dựng, hoàn thiện từ điển dữ liệu, khung quản trị dữ liệu và cơ chế khai thác, sử dụng dữ liệu thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh.

- Tích hợp, đồng bộ hạ tầng số với hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng giao thông, hạ tầng năng lượng và các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trong quá trình đầu tư, xây dựng; thúc đẩy ứng dụng các nền tảng số trong hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

- Phát huy vai trò của dữ liệu như một nguồn lực phát triển mới; tăng cường khai thác, sử dụng hiệu quả dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước, cải cách thủ tục hành chính, phát triển kinh tế - xã hội, dự báo, hoạch định chính sách và hỗ trợ ra quyết định; khuyến khích chia sẻ, kết nối và khai thác dữ liệu theo quy định của pháp luật.

- Phát triển đồng bộ hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu và các nền tảng kết nối phục vụ các trung tâm kinh tế động lực, hành lang kinh tế, khu kinh tế, khu công nghiệp, trung tâm logistics, đô thị thông minh và các mô hình kinh tế mới theo định hướng Quy hoạch tỉnh; từng bước hình thành nền tảng dữ liệu và kết nối số phục vụ logistics thông minh, giao thông thông minh, quản lý đô thị, quản lý tài nguyên, môi trường và các ứng dụng kinh tế không gian tầm thấp.

6. Xây dựng và phát triển hệ sinh thái nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ

6.1. Mục tiêu

- Hình thành và phát triển hệ sinh thái nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo của tỉnh theo hướng đồng bộ, mở, liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở đào tạo, nhà khoa học, nhà đầu tư và các chủ thể đổi mới sáng tạo; thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Đến năm 2030, số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ đạt khoảng 70 doanh nghiệp; tỷ lệ kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ được ứng dụng vào thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu đạt khoảng 60%; Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII) thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước; số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đạt khoảng 150 doanh nghiệp; số lượng vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo đạt khoảng 08 đơn vị; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo và tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh đạt khoảng 40%; số dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh đạt khoảng 30 dự án.

6.2. Nhiệm vụ, giải pháp

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo:

- Thực hiện quy hoạch xây dựng và phát triển Khu công nghệ cao Thanh Hóa; phát huy vai trò là hạt nhân kết nối hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo và thương mại hóa công nghệ; gắn kết với các khu công nghệ số tập trung, trung tâm dữ liệu đa mục tiêu, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo và doanh nghiệp.

- Thu hút và kết nối các chủ thể của hệ sinh thái nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo tham gia hoạt động tại Khu công nghệ cao Thanh Hóa, các khu công nghệ số tập trung, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các

trung tâm đổi mới sáng tạo, cơ sở nghiên cứu và đào tạo; ưu tiên các lĩnh vực thuộc danh mục công nghệ chiến lược¹ và công nghệ cao được ưu tiên².

- Hình thành, phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, không gian đổi mới sáng tạo, cơ sở ươm tạo công nghệ và ươm tạo doanh nghiệp theo hướng đa dạng hóa chủ thể tham gia; khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng và vận hành các mô hình đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường kết nối hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo với các quỹ đầu tư, tổ chức tài chính, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp, mạng lưới chuyên gia, nhà đầu tư trong và ngoài nước; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp tiếp cận các nguồn lực về vốn, công nghệ, thị trường và tư vấn phát triển doanh nghiệp.

- Rà soát, sắp xếp, kiện toàn hệ thống các tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo hướng tinh gọn, hiệu quả; tập trung nguồn lực nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và cung cấp dịch vụ khoa học, công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Thúc đẩy hoạt động nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển tài sản trí tuệ; hỗ trợ hình thành các mô hình hợp tác giữa doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và nhà khoa học nhằm đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào sản xuất, kinh doanh và đời sống.

7. Nghiên cứu, ứng dụng và làm chủ công nghệ cao trong các ngành, lĩnh vực trụ cột, có tiềm năng của tỉnh

7.1. Mục tiêu

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và từng bước làm chủ công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi trong các ngành, lĩnh vực trụ cột, có tiềm năng của tỉnh (gồm: công nghiệp chế biến, chế tạo; nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao; du lịch; logistics và dịch vụ cảng), góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

- Phân đầu đến năm 2030, tỷ trọng đóng góp của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong GRDP đạt khoảng 35%; đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) đạt từ 55% trở lên; tỷ trọng giá trị tăng thêm của công nghiệp chế biến, chế tạo đạt từ 36% trở lên; diện tích đất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt từ 10.000 ha trở lên; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội hằng năm đạt khoảng 15%-17%; duy trì 100% sản phẩm OCOP được truy xuất nguồn gốc điện tử.

7.2. Nhiệm vụ, giải pháp

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo:

¹ Quyết định số 21/2026/QĐ-TTg ngày 30/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược.

² Quyết định số 23/2026/QĐ-TTg ngày 15/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển.

- Trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo: Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và từng bước làm chủ công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi gắn với đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tập trung triển khai tại Khu kinh tế Nghi Sơn; ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, phát thải các-bon thấp; khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ, chuyển đổi xanh và chuyển đổi số.

- Trong lĩnh vực nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao: Triển khai nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ số trong phát triển các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh hàng hóa quy mô lớn; xây dựng và nhân rộng các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh đối với sản phẩm chủ lực của tỉnh. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong nuôi trồng thủy hải sản xa bờ, quan trắc môi trường nuôi, truy xuất nguồn gốc, bảo quản sau thu hoạch và phát triển chuỗi giá trị nông sản.

- Trong lĩnh vực du lịch: Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số trong quản lý, quy hoạch, phát triển sản phẩm, quảng bá và xúc tiến du lịch; gắn ứng dụng khoa học, công nghệ với nâng cao chất lượng dịch vụ, trải nghiệm du khách và phát triển các sản phẩm du lịch có lợi thế cạnh tranh, giá trị gia tăng cao.

- Trong lĩnh vực logistics và dịch vụ cảng: Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý, khai thác cảng biển, cảng hàng không, kho bãi, vận tải và chuỗi cung ứng; phát triển logistics thông minh, logistics xanh; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cảng biển, cảng hàng không, khu kinh tế, khu công nghiệp và các trung tâm logistics; nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ số tiên tiến trong quản lý, điều hành và truy xuất nguồn gốc hàng hóa; từng bước hình thành hệ sinh thái logistics hiện đại gắn với Khu kinh tế Nghi Sơn và khu vực Lam Sơn - Sao Vàng.

8. Xây dựng và nhân rộng các mô hình kinh tế mới dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

8.1. Mục tiêu

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo làm nền tảng xây dựng, triển khai thí điểm và nhân rộng các mô hình kinh tế mới gồm: Kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số và kinh tế sử dụng không gian tầm thấp; góp phần chuyển dịch mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế.

Phân đầu giai đoạn 2026 - 2030, tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP tăng bình quân khoảng 2%/năm, đến năm 2030 đạt khoảng 30%.

8.2. Nhiệm vụ, giải pháp

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo:

- Nghiên cứu, lựa chọn và xây dựng kế hoạch triển khai các mô hình kinh tế mới phù hợp với thực tiễn và tiềm năng của tỉnh; ưu tiên các mô hình có hàm lượng tri thức cao, khả năng tạo giá trị gia tăng lớn, đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng năng suất nhân tố tổng hợp (TFP). Trong đó chú trọng phát triển mô hình kinh tế xanh

dựa trên tín chỉ carbon gắn với lâm nghiệp bền vững; mô hình sản xuất thông minh, nhà máy thông minh; mô hình logistics thông minh, đô thị thông minh; mô hình kinh tế dữ liệu và trí tuệ nhân tạo.

- Triển khai thí điểm, đánh giá và từng bước nhân rộng các mô hình kinh tế mới trong các ngành, lĩnh vực có tiềm năng và lợi thế của tỉnh; nghiên cứu áp dụng hình thức thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với một số mô hình, sản phẩm, dịch vụ mới.

- Nghiên cứu, thí điểm có kiểm soát một số ứng dụng kinh tế không gian tầm thấp phù hợp với điều kiện của tỉnh (trong các lĩnh vực: logistics, nông nghiệp, lâm nghiệp, khảo sát địa hình, cứu hộ, cứu nạn, du lịch và quản lý tài nguyên), bảo đảm các yêu cầu, quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, an toàn bay và hiệu quả kinh tế - xã hội.

- Trong quá trình thí điểm và nhân rộng các mô hình, khuyến khích sử dụng các sản phẩm, giải pháp đổi mới sáng tạo do doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phát triển trong các chương trình, dự án đầu tư công phù hợp với quy định; qua đó hình thành thị trường ban đầu, hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện sản phẩm, công nghệ và mô hình kinh doanh.

- Tổ chức theo dõi, đánh giá, tổng kết hiệu quả các mô hình kinh tế mới trên các khía cạnh kinh tế, xã hội, môi trường và khả năng nhân rộng; sử dụng kết quả làm căn cứ để các sở, ngành, địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển.

- Huy động sự tham gia của Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và các nhà khoa học trong nghiên cứu, triển khai và nhân rộng các mô hình kinh tế mới; doanh nghiệp giữ vai trò trung tâm trong ứng dụng, vận hành và thương mại hóa mô hình; khuyến khích huy động Quỹ đầu tư mạo hiểm của tỉnh hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, nghiên cứu, triển khai các mô hình kinh tế mới có tiềm năng tạo giá trị gia tăng lớn.

9. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số

9.1. Mục tiêu

- Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, đồng bộ trong hoạt động của các cơ quan nhà nước gắn với xây dựng chính quyền số; phát triển kinh tế số, xã hội số lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, dữ liệu số làm nền tảng và công nghệ số là công cụ then chốt; thúc đẩy phát triển đô thị thông minh, du lịch thông minh, giáo dục thông minh, y tế thông minh và giao thông thông minh.

- Đến năm 2030, tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa đạt 100%; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ dịch vụ công toàn trình đạt 95% (năm 2026 đạt 85%); tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch ngân hàng đạt trên 95%; tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID) đạt 100%; tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số đạt 40%; duy trì Chỉ số Chuyển đổi số (DTI) hằng năm thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước.

9.2. Nhiệm vụ, giải pháp

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo:

- Triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước, chuyển mạnh từ quản lý theo quy trình, thủ tục sang quản lý theo kết quả và tác động phát triển; tăng cường khai thác kho dữ liệu dùng chung và dữ liệu lớn (Big Data) của tỉnh, bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống”; tăng cường kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước.

- Từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), hệ thống chỉ số, bảng điều khiển (dashboard) và các công cụ phân tích, dự báo để hỗ trợ ra quyết định; xây dựng, vận hành hiệu quả Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Thanh Hóa (IOC); triển khai hệ thống KPI gắn với kết quả chuyển đổi số làm căn cứ đánh giá cán bộ, công chức, viên chức.

- Triển khai chuyển đổi số trong phát triển kinh tế số theo ngành, lĩnh vực trọng điểm; phát triển thương mại điện tử, công nghiệp số, kinh tế dữ liệu, logistics thông minh và kinh tế chia sẻ; hỗ trợ sản phẩm OCOP tham gia sàn thương mại điện tử, từng bước mở rộng sang các nền tảng xuyên biên giới; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng công nghệ số.

- Triển khai hình thành đô thị thông minh tại phường Hạc Thành, phường Sầm Sơn và nhân rộng ra các phường trên địa bàn tỉnh; xây dựng hệ thống giao thông thông minh; xây dựng mô hình du lịch thông minh tại phường Sầm Sơn và các khu du lịch trọng điểm; xây dựng các mô hình y tế thông minh tại các bệnh viện tuyến tỉnh; chuyển đổi số mạnh mẽ trong ngành giáo dục và đào tạo.

- Phát triển xã hội số và công dân số; phổ cập kỹ năng số thiết yếu cho người dân qua Phong trào “Bình dân học vụ số”; phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong tuyên truyền, hướng dẫn người dân tham gia chuyển đổi số tại cơ sở.

- Khai thác hiệu quả dữ liệu dân cư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quản lý nhà nước, phát triển dịch vụ công, bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn xã hội.

- Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây và các công nghệ số tiên tiến trong quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ; từng bước hình thành các mô hình quản trị số, doanh nghiệp số và dịch vụ số dựa trên dữ liệu.

10. Nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân trên cơ sở ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

10.1. Mục tiêu

- Nâng cao toàn diện chất lượng cuộc sống và khả năng tiếp cận các dịch vụ thiết yếu của Nhân dân thông qua việc ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực thiết yếu của đời sống xã hội; lấy người dân làm trung tâm trong tổ chức cung cấp dịch vụ công, chăm sóc sức khỏe, giáo dục - đào tạo, thụ hưởng văn hóa, bảo vệ môi trường và bảo đảm an sinh xã hội.

- Năm 2026, các di sản văn hóa tiêu biểu của tỉnh (di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt, di sản thế giới) được số hóa đạt 100%. Đến năm 2030, 100% các di sản văn hóa cấp tỉnh được số hóa; 100% cơ sở giáo dục triển khai quản lý, dạy và học trên môi trường số; tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến hằng năm đạt từ 99% trở lên.

10.2. Nhiệm vụ, giải pháp

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo:

- Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công theo hướng đơn giản, dễ tiếp cận, giảm tối đa thời gian, chi phí cho người dân; ứng dụng khoa học, công nghệ chuẩn hóa, rút gọn quy trình; triển khai các mô hình hỗ trợ trực tiếp tại cơ sở nhằm giúp người dân, nhất là người cao tuổi, người ở vùng khó khăn tiếp cận dịch vụ công thuận lợi.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong y tế và an sinh xã hội; thúc đẩy liên kết giữa bệnh viện, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; triển khai các mô hình y tế thông minh, khám chữa bệnh từ xa, quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử và các nền tảng chăm sóc sức khỏe cộng đồng; tăng cường hỗ trợ chuyên môn giữa tuyến cơ sở với tuyến chuyên sâu, nhất là tại khu vực vùng sâu, vùng xa.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý giáo dục và tổ chức dạy - học; triển khai các mô hình trường học số, lớp học thông minh phù hợp với điều kiện thực tiễn; ưu tiên hỗ trợ khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa trong tiếp cận học liệu và phương thức học tập số.

- Tổ chức số hóa tư liệu, hiện vật và không gian văn hóa tiêu biểu; xây dựng và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu văn hóa phục vụ quản lý nhà nước, giáo dục truyền thống và nhu cầu thụ hưởng văn hóa của Nhân dân; ứng dụng công nghệ số nâng cao trải nghiệm thụ hưởng di sản văn hóa và không gian văn hóa cho Nhân dân và du khách.

- Triển khai các giải pháp quan trắc, giám sát, dự báo và kiểm soát chất lượng môi trường; hoàn thiện và khai thác hiệu quả dữ liệu về môi trường, đất đai, khí tượng thủy văn; tăng cường năng lực phòng ngừa, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua các hệ thống cảnh báo sớm tại khu vực có nguy cơ cao.

11. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

11.1. Mục tiêu

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo hướng gắn chặt quản lý với kết quả, sản phẩm và hiệu quả ứng dụng thực tiễn; bảo đảm kỷ luật, kỷ cương hành chính, phân cấp, phân quyền rõ ràng, gắn với trách nhiệm giải trình; từng bước hiện đại hóa phương thức quản lý dựa trên dữ liệu và môi trường số.

- Đến năm 2030, số lượng đơn đăng ký sở hữu trí tuệ đạt khoảng 40 đơn/năm; số lượng bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh được công bố trên các tạp chí thuộc cơ sở dữ liệu Scopus/ISI đạt khoảng 150 bài/năm; hằng năm có khoảng 03 công trình đạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia hoặc khu vực; duy trì 100% phòng thử nghiệm, kiểm định đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025.

11.2. Nhiệm vụ, giải pháp

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo:

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao năng lực tổ chức thực hiện ở các sở, ngành, địa phương; hằng năm xây dựng và ban hành nội dung định hướng ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh.

- Thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và an toàn bức xạ, hạt nhân; tăng cường quản lý, bảo đảm hoạt động công bố hợp chuẩn, hợp quy, ghi nhãn hàng hóa và truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện quản lý nhà nước thống nhất trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, công nghệ số và hạ tầng thông tin - truyền thông; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về dữ liệu, thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động của hệ thống chính trị; từng bước đưa toàn bộ quy trình xử lý công việc lên môi trường số; nâng cao tính công khai, minh bạch, kỷ luật, kỷ cương hành chính và hiệu quả quản trị công.

12. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả tổ chức triển khai thực hiện

12.1. Mục tiêu

Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức triển khai thực hiện Khâu đột phá, bảo đảm các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được thực hiện đúng chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đúng định hướng và tiến độ đề ra; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế, nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu, bảo đảm Khâu đột phá được triển khai đồng bộ, thực chất và đạt kết quả cao.

12.2. Nhiệm vụ, giải pháp

12.2.1. Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo:

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Khâu đột phá, bảo đảm thực hiện đúng chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nội dung đã xác định trong Chương trình hành động; kịp thời báo cáo, đề xuất điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp.

- Thực hiện giám sát theo kết quả, sản phẩm và hiệu quả thực tiễn; từng bước ứng dụng các nền tảng giám sát, điều hành số, khai thác dữ liệu từ Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) và hệ thống chỉ số đánh giá hiệu quả công việc (KPI) để theo dõi, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ, dự án trọng điểm theo thời gian thực.

12.2.2. Các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo:

- Xây dựng và thực hiện cơ chế giám sát, đánh giá thường xuyên công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện, gắn với trách nhiệm của từng cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu; thực hiện tốt chế độ báo cáo kết quả thực hiện định kỳ hằng tháng, quý, 6 tháng và hằng năm.

- Tiến hành nghiêm túc việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm; chủ động điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn trong từng giai đoạn phát triển.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện việc quán triệt, triển khai thực hiện Chương trình hành động; định hướng những nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm trong từng giai đoạn. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tổ chức thực hiện ở các cấp, các ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị; kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, xử lý những vấn đề phát sinh, bảo đảm Chương trình hành động được triển khai nghiêm túc, thực chất, hiệu quả.

2. Đảng ủy HĐND tỉnh lãnh đạo Thường trực HĐND tỉnh, các ban của HĐND tỉnh phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan trong rà soát, thẩm tra, xem xét việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các cơ chế, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; bảo đảm các chính sách được ban hành đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với thực tiễn, có tính khả thi cao, tạo cơ sở pháp lý và nguồn lực thuận lợi cho việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình hành động.

3. Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện tốt chương trình, kế hoạch công tác hằng năm về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, gắn với thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình hành động; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, giám sát, bảo đảm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra.

4. Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh cụ thể hóa Chương trình hành động thành chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ, bảo đảm đồng bộ, khả thi; phân công trách nhiệm cho các sở, ban, ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện; xác định rõ lộ trình, tiến độ, sản phẩm, thời gian hoàn thành từng nhiệm vụ. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm các nhiệm vụ được triển khai hiệu quả, đúng định hướng, đúng quy định. Định kỳ tổng hợp tình hình, kết quả triển khai thực hiện Chương trình hành động, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo quy định.

5. Đảng ủy các xã, phường tổ chức quán triệt, triển khai Chương trình hành động phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; lãnh đạo UBND cấp xã xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền gắn với yêu cầu thực tiễn ở cơ sở.

6. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung, mục tiêu, ý nghĩa của Chương trình hành động và kết quả phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Chú trọng tuyên truyền các cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp; kịp thời định hướng dư luận, tạo sự thống nhất trong nhận thức, đồng thuận trong xã hội, phát huy vai trò của Nhân dân trong tham gia giám sát, ủng hộ và phối hợp thực hiện.

7. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; bí thư các đảng bộ xã, phường, bí thư các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy căn cứ chức trách, nhiệm vụ, lĩnh vực, địa bàn được phân công, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Chương trình hành động tại ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị phụ trách. Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời chỉ đạo xử lý những khó khăn, vướng mắc; chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

8. Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh và các cơ quan liên quan theo dõi, tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình hành động; phối hợp tham mưu, đề xuất xử lý những vấn đề thuộc thẩm quyền lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (b/c);
- BCD Trung ương về phát triển KHCN, ĐMST và chuyển đổi số (b/c);
- Đảng ủy Chính phủ (b/c);
- Các Ban, Ủy ban Kiểm tra, Văn phòng Trung ương Đảng (b/c);
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Các ban, sở, ngành, MTTQ, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy các xã, phường, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**

Lê Đức Thái

PHỤ LỤC I
Danh mục các chỉ tiêu chủ yếu
(Kèm theo Chương trình số -CTr/TU ngày /6/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu						Cấp ủy đảng, cơ quan chủ trì
			Kết quả đến hết năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	
I	VỀ ĐÓNG GÓP CỦA KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ								
1	Tỷ trọng đóng góp của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong GRDP	%	Chỉ tiêu mới, chưa đánh giá	-	-	-	-	Đạt khoảng 35%	Đảng ủy UBND tỉnh
2	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%	40	43	46	49	52	55% trở lên	Đảng ủy UBND tỉnh
3	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	%	20,1	22	24	26	28	30% trở lên	Đảng ủy UBND tỉnh
4	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP năm 2030	%	28,7	30,2	31,7	33,2	34,7	36% trở lên	Đảng ủy UBND tỉnh
5	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội hằng năm ³	%/năm	11,5	12,2 - 12,6	12,9 - 13,3	13,6 - 14	14,3 - 14,7	Đạt khoảng 15% - 17%	Đảng ủy UBND tỉnh
II	VỀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT								
6	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2030	Ha	34.303,3	44.300	54.300	64.300	74.300	84.300	Đảng ủy UBND tỉnh
	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao	Ha	2.903,0	4.903	6.200	7.500	8.800	10.000	Đảng ủy UBND tỉnh
7	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn	%	20	60	70	80	90	100	Đảng ủy UBND tỉnh
8	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s	%	20	50	63	75	87	100	Đảng ủy UBND tỉnh

³ Kết quả năm 2025 theo Báo cáo số 13970/BC-STC ngày 23/12/2025 của Sở Tài chính; mục tiêu đến năm 2030 theo Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 17/7/2025 của UBND tỉnh.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu						Cấp ủy đảng, cơ quan chủ trì
			Kết quả đến hết năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	
9	Hoàn thiện Trung tâm dữ liệu, triển khai kết nối, đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia	Trung tâm dữ liệu	01	01	02	02	03	03	Đảng ủy UBND tỉnh
III	VỀ PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC VÀ NĂNG LỰC XÃ HỘI SỐ								
10	Tỷ lệ cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học, kỹ thuật trong cấp ủy các cấp trên tổng số cán bộ cấp ủy	%	Chưa có kết quả đánh giá	-	-	-	-	5	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
11	Tỷ lệ cán bộ, công chức được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	85	100	100	100	100	100	Đảng ủy UBND tỉnh
12	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	80	82	84	86	88	90	Đảng ủy UBND tỉnh
13	Số người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân	Người	6,7	7,5	8,4	9,5	10,7	12	Đảng ủy UBND tỉnh
IV	VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ HỆ SINH THÁI ĐỔI MỚI SÁNG TẠO								
14	Tỷ lệ chi ngân sách địa phương cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	%	1,31	3,0	3,0	3,0	3,0	3,0	Đảng ủy UBND tỉnh
15	Số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh	Doanh nghiệp	32	39	46	54	62	70	Đảng ủy UBND tỉnh
16	Tỷ lệ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng vào thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu	%	52	54	56	58	60	60	Đảng ủy UBND tỉnh
17	Số lượng đơn đăng ký sở hữu trí tuệ hàng năm	Đơn đăng ký	15	20	25	30	35	40	Đảng ủy UBND tỉnh
18	Số lượng bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI) mỗi năm	Bài báo	100	110	120	130	140	150	Đảng ủy UBND tỉnh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu						Cấp ủy đảng, cơ quan chủ trì
			Kết quả đến hết năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	
19	Số lượng công trình đạt giải thưởng khoa học và công nghệ quốc gia hoặc khu vực mỗi năm	Công trình	01	01	02	02	03	03	Đảng ủy UBND tỉnh
20	Tỷ lệ sản phẩm OCOP của tỉnh được quản lý, truy xuất nguồn gốc điện tử	%	100	100	100	100	100	100	Đảng ủy UBND tỉnh
21	Tỷ lệ phòng thử nghiệm, kiểm định đạt chuẩn ISO/IEC 17025	%	100	100	100	100	100	100	Đảng ủy UBND tỉnh
22	Chỉ số đổi mới sáng tạo tỉnh Thanh Hóa (PII tỉnh Thanh Hóa)	Xếp hạng	16/34	15/34	14/34	13/34	12/34	10/34	Đảng ủy UBND tỉnh
23	Không gian khởi nghiệp trung tâm của tỉnh (Central Startup Hub)	Không gian	-	-	-	-	-	01	Đảng ủy UBND tỉnh
24	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Doanh nghiệp	50	70	90	110	130	150	Đảng ủy UBND tỉnh
25	Số lượng vườn ươm/trung tâm đổi mới sáng tạo	Đơn vị	03	04	05	06	07	08	Đảng ủy UBND tỉnh
26	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	%	Chỉ tiêu mới, chưa đánh giá	-	-	-	-	40	Đảng ủy UBND tỉnh
27	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh	%	15	20	25	30	35	40	Đảng ủy UBND tỉnh
28	Số lượng dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh mỗi năm	Dự án	10	14	18	22	26	30	Đảng ủy UBND tỉnh
V	VỀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ, KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ								
29	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	70	90	92	94	96	100	Đảng ủy UBND tỉnh
30	Chỉ số Chuyển đổi số (DTI)	Xếp hạng	10/34	10/34	10/34	10/34	10/34	10/34	Đảng ủy UBND tỉnh
31	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình/tổng số hồ sơ của dịch vụ công toàn trình	%	60	85	87,5	90	92,5	95	Đảng ủy UBND tỉnh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu						Cấp ủy đảng, cơ quan chủ trì
			Kết quả đến hết năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	
32	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	82,5	86	88	90	92	95	Đảng ủy UBND tỉnh
33	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	%	56,25	60	70	80	90	100	Đảng ủy UBND tỉnh
34	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số	%	33,40	35	36	37	39	40	Đảng ủy UBND tỉnh
35	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử mức độ 2 được tích hợp số sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID	%	92	94	95	97	98	100	Đảng ủy UBND tỉnh
36	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	94,94	95	99	99	99	99	Đảng ủy UBND tỉnh
37	Tỷ lệ cơ sở giáo dục triển khai quản lý, dạy và học trên môi trường số	%	75	85	90	95	100	100	Đảng ủy UBND tỉnh
38	Tỷ lệ di sản văn hóa tiêu biểu của tỉnh (di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt, di sản thế giới) được số hóa	%	34	100	100	100	100	100	Đảng ủy UBND tỉnh

PHỤ LỤC II
Danh mục các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030
(Kèm theo Chương trình số -CTr/TU ngày /6/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đăng phối hợp	Thời hạn thực hiện	Nguồn lực	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
I	VỀ THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN TRỊ						
1	Xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu suất công việc (KPI) để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh; Đảng ủy các xã, phường	Hoàn thành trong Quý II/2026	Ngân sách nhà nước	Bộ tiêu chí được ban hành	Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
2	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025-2035 và định hướng đến năm 2045	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	Hoàn thành trong Quý II/2026	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước	Kế hoạch của UBND tỉnh được ban hành	Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 24/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ
3	Nghiên cứu xây dựng và triển khai thí điểm một số mô hình kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ để tổng kết rút kinh nghiệm, từng bước nhân rộng trong một số ngành, lĩnh vực: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	2026-2030	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước	Ít nhất 01 mô hình được triển khai thí điểm	Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
4	Nghiên cứu, thí điểm có kiểm soát mô hình ứng dụng kinh tế không gian tầm thấp, logistics tầm thấp và thiết bị bay không	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	2026-2030	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước	Ít nhất 01 mô hình được triển khai thí điểm	Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Thời hạn thực hiện	Nguồn lực	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
	người lái trong một số lĩnh vực phù hợp với điều kiện của tỉnh; bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh, an toàn bay, cứu hộ, cứu nạn và hiệu quả kinh tế - xã hội						
5	Nghiên cứu, đề xuất xây dựng quy hoạch phát triển Khu Kinh tế số và Đổi mới sáng tạo tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030 và định hướng đến năm 2045	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	Quý IV/2026	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước	Đề án trình UBND tỉnh	- Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025: Khoản 5 Điều 18; Mục 4 Chương II; khoản 4 Điều 28; khoản 3 Điều 29; khoản 2 Điều 39 và khoản 6 Điều 40. - Nhiệm vụ đột phá góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2030: Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đạt 30% và tỷ trọng đóng góp của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong GRDP đạt khoảng 35%.
6	Xây dựng Chính sách phát triển nông nghiệp và môi trường tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	Hoàn thành trong Quý II/2026	Ngân sách nhà nước	Dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh	Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
7	Xây dựng chính sách khuyến khích và tạo điều kiện khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận, đầu tư, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	Tháng 9/2026	Ngân sách nhà nước	Dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh	Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Thời hạn thực hiện	Nguồn lực	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
	số vào sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030						
8	Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng hằng năm	Văn phòng Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh; Đảng ủy các xã, phường; các đơn vị liên quan	Hằng năm	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước	Kế hoạch của Văn phòng Tỉnh ủy được ban hành	Quyết định số 204-QĐ/TU ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Kế hoạch số 268-KH/TU ngày 28/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
9	Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước hằng năm	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	Hằng năm	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước	Kế hoạch của các cơ quan nhà nước được ban hành	Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
II	VỀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ DỮ LIỆU						
10	Xây dựng và vận hành Trung tâm chỉ huy giám sát, điều hành giao thông và hệ thống camera giám sát an ninh và xử lý vi phạm về trật tự an toàn giao thông trên các tuyến quốc lộ: 1, 45, 47, 217, 10, 15; đường Hồ Chí Minh và một số tuyến đường trọng điểm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Đảng ủy Công an tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh; Đảng ủy các xã, phường	2026-2027	Ngân sách nhà nước	Quyết định phê duyệt chủ trương; Báo cáo kết quả vận hành hằng năm	Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
11	Xây dựng và vận hành Trung tâm an ninh mạng của tỉnh thực hiện giám sát, ứng cứu sự cố, đảm bảo an toàn thông tin cho các cơ quan, đơn vị trong toàn hệ thống chính trị	Đảng ủy Công an tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh; Đảng ủy các xã, phường	2026-2028	Ngân sách nhà nước	Quyết định phê duyệt chủ trương; Báo cáo kết quả vận hành hằng năm	Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Thời hạn thực hiện	Nguồn lực	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
12	Đầu tư, nâng cấp trung tâm dữ liệu, hạ tầng điện toán phục vụ hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	2028-2030	Ngân sách nhà nước	Quyết định phê duyệt chủ trương	Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
13	Đầu tư, nâng cấp và vận hành Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Thanh Hóa (IOC)	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	2026-2030	Ngân sách nhà nước	Quyết định phê duyệt chủ trương; Báo cáo kết quả vận hành hằng năm	Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
14	Chỉnh lý, số hóa và lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	2026-2028	Ngân sách nhà nước	Báo cáo kết quả thực hiện hằng năm	Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
15	Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Thanh Hóa	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	2026-2027	Ngân sách nhà nước	Quyết định phê duyệt chủ trương; Báo cáo kết quả xây dựng cơ sở dữ liệu	Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ
III	VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO						
16	Tham mưu kiện toàn Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	Quý IV/2026	Ngân sách nhà nước	Quyết định của UBND tỉnh	Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
17	Tham mưu thành lập Công ty cổ phần Quỹ đầu tư mạo hiểm tỉnh Thanh Hóa	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	Tháng 7/2026	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Nghị định 264/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 về Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia và quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương
18	Tham mưu thành lập Công ty cổ phần Trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh Thanh Hóa	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	Tháng 7/2026	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Thời hạn thực hiện	Nguồn lực	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
19	Đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hóa hệ thống phòng kiểm định kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, an toàn bức xạ hạt nhân	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 11/2026	Ngân sách nhà nước	Quyết định phê duyệt chủ trương	Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
20	Triển khai mô hình khám chữa bệnh từ xa kết nối cơ sở y tế cấp chuyên sâu, cấp cơ bản với cơ sở y tế cấp ban đầu	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	2026-2030	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước	Báo cáo kết quả triển khai hằng năm	Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, ban hành tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ
21	Ứng dụng công nghệ số trong quản lý thông tin y tế, triển khai sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	Thường xuyên	Ngân sách nhà nước	Báo cáo kết quả triển khai hằng năm	
22	Ứng dụng công nghệ số trong quản lý, theo dõi và thực hiện các chính sách an sinh xã hội, bảo hiểm y tế, bảo trợ xã hội, giảm nghèo bền vững	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	Thường xuyên	Ngân sách nhà nước	Báo cáo kết quả triển khai hằng năm	
23	Triển khai mô hình giáo dục số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và quản trị giáo dục thông minh trên địa bàn tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	2026-2030	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước	Báo cáo kết quả triển khai hằng năm	Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo
24	Phát triển hệ thống học liệu số, nền tảng học tập trực tuyến	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	2026-2030	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước	Báo cáo kết quả triển khai hằng năm	Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo
25	Đầu tư trang thiết bị bay không người lái phục vụ công tác đảm bảo an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội	Đảng ủy Công an tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh; Đảng ủy các xã, phường	2026-2028	Ngân sách nhà nước	Quyết định phê duyệt chủ trương	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Thời hạn thực hiện	Nguồn lực	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
26	Xây dựng mô hình du lịch thông minh tại một số phường, xã, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	2026-2030	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước	Ít nhất 01 mô hình được triển khai	Quyết định số 2450/QĐ-BVHTTDL ngày 14/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Chương trình đẩy mạnh chuyển đổi số du lịch thông minh trong lĩnh vực du lịch
27	Xây dựng đô thị thông minh tại phường Hạc Thành	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy phường Hạc Thành	2026-2030	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước	Báo cáo kết quả triển khai hằng năm	Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
28	Xây dựng đô thị thông minh tại phường Sầm Sơn	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy phường Sầm Sơn	2026-2030	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước	Báo cáo kết quả triển khai hằng năm	Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
IV	VỀ PHÁT TRIỂN LOGISTICS, CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO VÀ NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO						
29	Xây dựng Trung tâm logistics cấp vùng tại Nghi Sơn	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	2026-2030	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước	Trung tâm logistics được hình thành	Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050
30	Xây dựng Trung tâm logistics cấp vùng tại Sao Vàng	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	2026-2030	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước	Trung tâm logistics được hình thành	Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050
31	Nghiên cứu, đề xuất hình thành khu công nghệ cao/khu công nghệ thông tin tập trung tại khu vực Lam Sơn - Sao Vàng	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	2026-2030	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước	Đề án, phương án hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền được ban hành	Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Thời hạn thực hiện	Nguồn lực	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
32	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các xã, phường	2026-2030	Ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngoài nhà nước	Khu nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng được hình thành	Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

PHỤ LỤC III

Danh mục các dự án đầu tư trực tiếp ưu tiên kêu gọi, thu hút đầu tư, giai đoạn 2026-2030
(Kèm theo Chương trình số -CTr/TU ngày /6/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)

TT	Tên dự án	Quy mô/Công suất dự kiến	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
1	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghệ cao Thanh Hóa	300 ha	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp	
2	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng các khu công nghệ số tập trung Thanh Hóa	55 ha	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp; UBND các xã, phường có quy hoạch	Khu công nghệ số tập trung Thanh Hóa tại phường Đông Sơn (quy mô 20 ha); Khu công nghệ số tập trung Nghi Sơn (quy mô 25 ha); Khu công nghệ số tập trung Sao Vàng (quy mô 10 ha)
3	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng	800 ha	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
4	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu nghiên cứu ứng dụng (R&D) tại phường Quảng Phú	30 ha	UBND phường Quảng Phú	
5	Đầu tư xây dựng các Trung tâm dữ liệu đa mục tiêu tại Thanh Hóa	35 ha	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp	Trung tâm dữ liệu đa mục tiêu Thanh Hóa (quy mô 05 ha); Trung tâm dữ liệu đa mục tiêu Nghi Sơn (quy mô 25 ha); Trung tâm dữ liệu đa mục tiêu Sao Vàng (quy mô 05 ha)
6	Đầu tư xây dựng Trung tâm logistics cấp vùng tại Nghi Sơn	60-70 ha	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp	Địa điểm: xã Trường Lâm

TT	Tên dự án	Quy mô/Công suất dự kiến	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
7	Đầu tư xây dựng Trung tâm logistics cấp vùng tại Sao Vàng	20-30 ha	UBND xã Sao Vàng	Địa điểm: xã Sao Vàng
8	Đầu tư xây dựng Trung tâm logistics cấp tỉnh gắn với các nút giao thông	50-70 ha	UBND các xã, phường có quy hoạch	Nút giao Đông Xuân Phường Đông Sơn, Đông Tiến (quy mô 20-30 ha); nút giao Thiệu Giang, xã Thiệu Quang (quy mô 15-20 ha); nút giao Đồng Thắng, xã Đồng Tiến (quy mô 15-20 ha)
9	Đầu tư xây dựng Trung tâm logistics cấp liên xã gắn với các nút giao thông	12-20 ha	UBND các xã có quy hoạch	Nút giao Gia Miêu, xã Hà Long (quy mô 03-05 ha; nút giao Hà Lĩnh, xã Tống Sơn (quy mô 03-05 ha); nút giao Vạn Thiện, xã Nông Cống (quy mô 03-05 ha); nút giao Yên Mỹ, xã Công Chính (quy mô 03-05 ha)
10	Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Dược phẩm công nghệ cao tại Khu kinh tế Nghi Sơn	142,2 ha	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp	
11	Đầu tư xây dựng Nhà máy giết mổ lợn, chế biến lợn công nghệ cao	08 ha; 500.000 con/năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
12	Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghệ cao	05 ha; 300.000 tấn/năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
13	Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử, máy tính tại Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng		Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp	Lắp đầy giai đoạn 1, Khu Công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng